

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trang Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 1205, tổ 22, khu phố Hương Phước, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 1423/55, đường Bùi Văn Hòa, khu phố 7A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 1205, tổ 22, khu phố Hương Phước, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Xuân K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019, tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân K chung sống với nhau và kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng có nhiều điểm trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Xuân K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng cũng đã ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/11/2016. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Xuân K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tài chính, dẫn đến cãi vã và gây nhau, lời qua tiếng lại với nhau. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 12/2017 cho đến nay, bà H đã về bên nhà mẹ sinh sống. Nay bà H xin ly hôn, tuy không muốn ly hôn, gia đình tan vỡ và hai đứa con còn nhỏ, ông cũng đã nói với vợ tìm cách giải quyết nhưng bà H không đồng ý, nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/11/2016. Khi ly hôn, vợ ông có nguyện vọng được nuôi hai con, do hai cháu còn nhỏ nên ông cũng đồng ý, nhưng trong quá trình giải quyết ly hôn và sau thời gian ly hôn, ông muốn được thăm con và đưa hai cháu về nhà ông vào thứ 7 và chủ nhật hàng tuần và bà H không được cản trở hay gây khó khăn trong việc thăm con của ông.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Xuân K; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 262/2012 ngày 14/9/2012 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng có nhiều điểm trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Xuân K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng cũng đã ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K. Theo ông Nguyễn Xuân K thì quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tài chính, dẫn đến cãi vã và gây nhau, lời qua tiếng lại với nhau. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 12/2017 cho đến nay, vợ đã về bên nhà mẹ sinh sống. Nay bà H xin ly hôn, tuy không muốn ly hôn, gia đình tan vỡ và hai đứa con còn nhỏ, ông cũng đã nói với vợ tìm cách giải quyết nhưng bà H không đồng ý, nên ông cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K đã thật sự trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Anh T,

sinh ngày 13/11/2016. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K cấp dưỡng. Ông Nguyễn Xuân K cũng đồng ý để bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Anh T, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Xuân K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/01/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Nguyễn Xuân K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004114 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến